

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2022/DS-PT

Ngày: 28 - 4 - 2022

V/v tranh chấp đất đai

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Hải Yến

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Lan Anh

Ông Vũ Duy Luân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2021/TLPT-DS ngày 16 tháng 11 năm 2021 về “*Tranh chấp đất đai*” do có kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm số 10/2021/DSST ngày 21/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Th B, tỉnh Thái Bình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2021/QĐXXPT-DS ngày 30 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Mạnh H (tên gọi khác Nguyễn Văn H), sinh năm 1948 và bà Phạm Thị M, sinh năm 1950; Nơi cư trú: thôn Th Nh, xã Đ Th, thành phố Th B, tỉnh Thái Bình.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn H Tr, xã Đ H, thành phố Th B, tỉnh Thái Bình.

**\* Bị đơn:** Ông Bùi Quyết Th, sinh năm 1954; Nơi cư trú: Thôn Th Nh, xã Đ Th, thành phố Th B, tỉnh Thái Bình (đã chết)

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Quyết Th:*

1. Bà Phạm Thị M1, sinh năm 1962; nơi cư trú: Thôn Th Nh, xã Đ Th, thành phố Th B, tỉnh Thái Bình (vợ ông Th)

2. Anh Bùi Minh Đ, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn N Ph, xã Ng Qu, huyện Tr Y, tỉnh Yên Bái (con trai ông Th)

3. Chị Bùi Thị Thùy D, sinh năm 1986; nơi cư trú: Phòng P603, E7, khu 7,

L Ha, V Ph, Ba Đình, Hà Nội (con gái ông Th)

2. Anh Bùi Mạnh C, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn Qu Tr, xã Đ Th, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình (con trai ông Th)

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân xã Đ Th, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Hà Minh T – Chủ tịch UBND xã

2. Bà Phạm Thị M1, sinh năm 1962; nơi cư trú: Thôn Th Nh, xã Đ Th, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

*\* Người đại diện theo ủy quyền của bà M1, anh Đ, chị D, anh C:* Ông Bùi Quốc D, sinh năm 1969; nơi cư trú: Thôn Qu Tr, xã Đ Th, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

*\* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:* Ông Nguyễn Quốc Kh – Luật sư Văn phòng Luật sư Nam Việt, Đoàn Luật sư Hà Nội.

*\* Người kháng cáo:* Ông Bùi Quyết Th – bị đơn.

*(Tại phiên tòa vắng mặt đại diện UBND xã Đ Th, anh Đ, anh C, chị D; có mặt các đương sự khác)*

**NỘI D VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn – ông Nguyễn Mạnh H, bà Phạm Thị M trình bày: Năm 1993, ông H có nhờ mượn tên cụ Bùi Văn T (là bố đẻ ông Bùi Quyết Th) nộp tiền đấu thầu lô đất số 03 của Ủy ban nhân dân xã Đ Th, huyện Đ H (nay thuộc thành phố Th B), lô đất có diện tích 77m<sup>2</sup> với giá 40.000đ/m<sup>2</sup>. Ông H nhờ cụ T đứng tên và tự mình trực tiếp nộp đủ số tiền 3.080.000đ vào ngân sách UBND xã và đã được UBND xã giao đất vào ngày 08/11/1993, UBND xã Đ Th đã viết 4 phiếu thu gồm:

1. Phiếu thu số 138 ngày 17/11/1993, số tiền 1.500.000đ về khoản nộp tiền đấu đất cạnh nhà trẻ, mục “nhận của” ghi “Ô T”, mục người giao, ông H ký chữ “H”.

2. Phiếu thu số 144 ngày 16/11/1993 số tiền 800.000đ về khoản nộp tiền đất, mục “nhận của” ghi “Ô T”, mục người giao ông H ký chữ “T”.

3. Phiếu thu số 168 ngày 31/12/1993 số tiền 600.000đ về khoản nộp tiền mua đất, mục “nhận của” ghi “Ô T”, mục người giao ông H ký chữ H.

4. Phiếu thu số 67 ngày 11/8/1994, số tiền 180.000đ về khoản nộp tiền đất (đất), mục “nhận của” ghi “Đ.c H”, mục người giao ông H ký chữ H.

Tại Biên bản đo giao đất và hoa màu để sử dụng ngày 08/11/1993, có tứ cận:

- Phía đông giáp đường gạch của xã có chiều dài từ bắc xuống nam là 6,2m
  - Phía bắc giáp đất ông Đ có chiều dài từ đông sang tây dài 12,5m
  - Phía tây giáp ruộng của tập thể có chiều dài từ bắc xuống nam là 6,2m
  - Phía nam giáp đất của ông T có chiều dài từ đông sang tây là 12,5m
- Tổng số diện tích sử dụng là 77m<sup>2</sup>

Biên bản đo giao đất UBND xã Đ Th giao cho ông H năm 1993, đến năm 1997 tranh chấp vị trí đất giữa ông H và gia đình cụ T, UBND xã Đ Th hòa giải và hai bên thống nhất đổi vị trí cho nhau. Ông Nguyễn Quốc D1 nguyên là trưởng công an xã Đ Th là người trực tiếp giải quyết tranh chấp, ông D1 đã xóa chữ “Đ” bằng bút xóa tại giáp ranh phía đông và xóa chữ “T” bằng bút xóa tại giáp ranh phía nam và ghi chú vào góc biên bản “*Sửa lại cho phù hợp vị trí lô số 4*” của Biên bản đo giao đất ngày 08/11/1993, hai bên đã ký biên bản giải quyết tranh chấp tại UBND xã Đ Th. UBND xã Đ Th sửa chữa lại hai bên giáp ranh nhưng UBND xã không lập biên bản đo giao đất mới thay thế nên ông H vẫn lưu giữ Biên bản đo giao đất cũ như ông H đã xuất trình tại Tòa án.

Năm 2003 gia đình ông H có đơn lập thửa đất để làm nhà thì gia đình ông Th nhận lô đất của nhà ông H, liền kề nhà ông Th là của ông Th. ông H làm đơn lên UBND xã Đ Th, sau đó UBND xã Đ Th có thông báo trả lời:

1. Thửa đất đó không phải là thửa đất của ông Bùi Văn T có con trai là Bùi Quyết Th.

2. Thửa đất đó chưa phải là của ông Nguyễn Mạnh H vì chưa đủ chứng cứ để khẳng định.

3. UBND xã tạm thời quản lý thửa đất đó khi nào có đầy đủ cơ sở xác định thửa đất đó thuộc quyền sử dụng của ai thì UBND xã giao cho người đó sử dụng.

Ông H không đồng ý với thông báo của UBND xã nên đã gửi đơn lên UBND huyện Đ H và Thanh tra huyện Đ H. Thanh tra huyện Đ H T hành xác minh và ra Quyết định số 05/QĐ-TTr ngày 19/9/2004 của Thanh tra huyện Đ H, tỉnh Thái Bình về việc khiếu nại tranh chấp đất đai có nội D:

“Điều 1: Lô đất liền kề với lô đất ông Bùi Văn T đấu thầu được không phải là của ông Bùi Văn T, anh Bùi Quyết Th con trai ông T nhận lô liền kề lô số 3 về phía nam thuộc gia đình mình là không đúng. Ông Nguyễn Mạnh H mua lô đất liền kề lô số 3 về phía Nam, nộp đủ tiền vào ngân sách xã, được UBND xã Đ Th giao đất nên lô đất liền kề lô số 3 về phía Nam (nhà ông T, hiện nay anh Th đang ở) là thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Mạnh H.

Điều 2: Giao cho UBND xã Đ Th tổ chức giao đất lại cho gia đình ông Nguyễn Mạnh H làm đầy đủ thủ tục hợp lý hóa khu đất UBND xã đã cấp năm

1993”

Trước đây khi nhận đất còn là đất ruộng giáp mặt đường, năm 2003 gia đình ông H đã đôn lấp cát được khoảng  $10\text{m}^3$  tại diện tích  $77\text{m}^2$  thì gia đình ông Th cản trở không cho gia đình ông H đôn lấp, sau đó ông Th đôn lấp tiếp, hiện đã xây quán bán hàng ăn.

Nay gia đình ông H khởi kiện yêu cầu ông Bùi Quyết Th trả lại quyền sử dụng diện tích đất  $77\text{m}^2$  theo như thỏa thuận đổi vị trí trước đây với gia đình ông Th, có tứ cận: Phía đông giáp mặt đường xã Đ Th, phía bắc giáp đất ông Th, phía tây giáp ruộng, phía nam giáp đất ông K.

*Bị đơn ông Bùi Quyết Th và người đại diện theo ủy quyền trình bày:* Năm 1993, bố ông Th là cụ Bùi Văn T đã trúng thầu lô đất số 3 của UBND xã Đ Th, huyện ĐH (nay thuộc thành phố Th B), lô đất có diện tích  $156\text{m}^2$  với giá  $40.000\text{đ}/\text{m}^2$ . Cụ T đã nộp đủ số tiền  $6.080.000\text{đ}$ , UBND xã đã viết phiếu thu, cụ thể:

- Phiếu thu số 81 ngày 21/8/1993 số tiền  $3.000.000\text{đ}$  về khoản nộp tiền đầu đất cạnh nhà trẻ.

- Phiếu thu 43 ngày 25/4/1994 số tiền  $180.000\text{đ}$  về khoản nộp tiền đầu đất khu nhà trẻ.

Ngoài ra còn 4 phiếu thu ông Th không lưu được bản gốc (chỉ còn bản photocopy). Năm 1996 UBND xã giải quyết tranh chấp giữa cụ T và gia đình ông H, ông Th không tham gia giải quyết nên ông Th không biết lý do vì sao lại bị thất lạc các phiếu thu còn lại.

Tại biên bản đo giao đất và hoa màu để sử dụng ở khu vực phía tây đường gạch xã vào ngày 01/12/1993 tổng diện tích  $79\text{m}^2$ , có tứ cận:

Phía đông giáp đường gạch xã dài  $6,2\text{m}$

Phía tây giáp ruộng HTX dài  $6,2\text{m}$

Phía nam giáp đất ông H dài  $12,8\text{m}$

Phía bắc giáp đất ông Đ dài  $12,8\text{m}$

Cụ T trúng thầu  $156\text{m}^2$  đất nhưng UBND xã mới chỉ giao cho cụ T  $79\text{m}^2$  còn chưa giao cho cụ T  $77\text{m}^2$ , lý do vì sao thì ông Th không biết vì lúc đó cụ T là người nhận đất. Khi cụ T nhận đất còn là ruộng trũng, sau đó ông Th lấp trũng toàn bộ diện tích  $156\text{m}^2$ , hiện tại đã làm nhà và quán bán hàng ăn. Việc đôn lấp đất hết bao nhiêu  $\text{m}^3$  ông Th không biết.

Năm 1996 ông H làm đơn đề nghị ra UBND xã yêu cầu giải quyết lô đất  $156\text{m}^2$  của cụ T trúng thầu trong đó có  $77\text{m}^2$  của ông H, của cụ T chỉ có  $79\text{m}^2$  (lúc đó cụ T còn sống, năm 2002 cụ T chết). Gia đình cụ T không đồng ý và có đơn đề

ng nghị UBND xã giải quyết lô đất 156m<sup>2</sup> là của cụ T trúng thầu. UBND xã giải quyết và hòa giải không thành. Ông H làm đơn đề nghị lên UBND huyện và Thanh tra huyện Đ H. Thanh tra huyện Đ H giải quyết diện tích đất 77m<sup>2</sup> ông H được quyền sử dụng. Gia đình ông Th không đồng ý đã làm đơn tiếp lên Thanh tra tỉnh Thái Bình, sau đó gia đình ông Th nhận được thông báo (do thời gian đã lâu nên ông Th không nhớ cơ quan nào thông báo) vụ việc đã được chuyển sang Tòa án nhân dân huyện Đ H, tỉnh Thái Bình để giải quyết theo thẩm quyền. Ông Th đã hỏi và được Tòa án nhân dân huyện Đ H, tỉnh Thái Bình trả lời chỉ hỏi ý kiến của ông Th, chưa giải quyết nên không lập biên bản. Từ đó đến nay không có cơ quan nào trả lời gia đình ông Th và gia đình ông Th không có ý kiến gì khác.

Nay gia đình ông H khởi kiện yêu cầu gia đình ông Th trả lại quyền sử dụng diện tích đất 77m<sup>2</sup> ông Th không đồng ý vì cụ T đã trúng thầu lô đất có diện tích 156m<sup>2</sup> trong đó có diện tích 77m<sup>2</sup> mà ông H yêu cầu. Các thủ tục đấu thầu như ông Th đã trình bày ở trên.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị M1 trình bày:* bà M1 là vợ ông Bùi Quyết Th, bà M1 thống nhất với ý kiến của ông Th đã trình bày với Tòa án. Diện tích đất 77m<sup>2</sup> ông H tranh chấp là không đúng, diện tích đất này do bố chồng bà M1 là cụ T đấu thầu của UBND xã Đ Th.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ, nghĩa vụ liên quan, đại diện UBND xã Đ Th trình bày:* Giai đoạn năm 1993, 1994 UBND xã Đ Th, huyện Đ H (nay là xã Đ Th, thành phố Th B) tổ chức đấu đất khu vực thôn Th Nh và thực hiện việc giao đất cho các hộ trúng đấu giá.

Năm 1997 giữa gia đình cụ Bùi Văn T có con trai là ông Bùi Quyết Th và gia đình ông Nguyễn Văn H (Nguyễn Mạnh H) có xảy ra tranh chấp vị trí đất tại khu vực cửa đình (cạnh nhà trẻ) thuộc thôn Th Nh, xã Đ Th, đây là diện tích đất hai gia đình đã đấu thầu. UBND xã giao cho Công an xã Đ Th, trực tiếp là ông Nguyễn Quốc D1, trưởng công an xã thời điểm đó giải quyết tranh chấp. Trước đây khi nhận đất còn là đất ruộng giáp mặt đường, hiện nay gia đình ông Th đã xây nhà, còn việc ai đôn lấp đất thì UBND xã không biết.

*Kết quả xác minh:*

- UBND xã Đ Th, thành phố Th B cung cấp: Tài liệu bản đồ 299 năm 1984 thể hiện đất của UBND xã Đ Th, UBND xã Đ Th không có tài liệu bản đồ 241 năm 1996. Tài liệu bản đồ Vlap năm 2012 không thể hiện người sử dụng đất do tranh chấp chủ quyền nên chưa tách thửa, hiện tại thửa đất có số thửa 116, tờ bản đồ số 7, diện tích 168m<sup>2</sup>. Diện tích đất ông H và ông Th đang tranh chấp là đất ở do UBND xã bán trái thẩm quyền năm 1993. Nay gia đình ông H khởi kiện yêu cầu

ông Th trả lại quyền sử dụng diện tích 77m<sup>2</sup> đất, quan điểm của UBND xã Đ Th đề nghị Tòa án căn cứ các quy định của pháp luật để giải quyết.

- Ông Nguyễn Quốc D1 cung cấp: ông D1 nguyên là trưởng công an xã Đ Th thời điểm năm 1996 đến 2001, là người trực tiếp giải quyết tranh chấp vị trí đất giữa cụ T và ông H năm 1997. Sau khi hòa giải hai bên đã Th Nh đổi vị trí đất cho nhau nên ông D1 đã xác nhận vào góc trái phía trên của biên bản với nội dung “*Sử lại cho phù hợp vị trí lô số 4*”.

- Ông Dương Văn T1 (Dương Tiến T1) cung cấp: ông T1 nguyên là cán bộ kế toán tài chính xã Đ Th. Ông Nguyễn Mạnh H (tức Nguyễn Văn H) có trúng thầu diện tích đất 77m<sup>2</sup> với giá 3.080.000đ. Ông T1 là người trực tiếp viết 04 phiếu thu với tổng số tiền là 3.080.000đ, trong đó có 03 phiếu ghi nhận của ông T nhưng thực tế là ông H nộp tiền và ký tên tại mục người giao, còn một phiếu thu ghi nhận của đ/c H. Năm 1997, ông Nguyễn Mạnh H (Nguyễn Văn H) và ông Bùi Quyết Th (con cụ Bùi Văn T) xảy ra tranh chấp vị trí đất, UBND xã Đ Th cử đồng chí Nguyễn Quốc D1 là Trưởng công an xã trực tiếp giải quyết tranh chấp. Hai gia đình đã đồng ý đổi vị trí đất cho nhau, ông Th chuyển lên vị trí lô số 3, ông H chuyển xuống vị trí lô số 4.

- Ông Nguyễn Duy Kh cung cấp: Ông Kh làm kiêm công tác thủ quỹ UBND xã Đ Th thời điểm năm 1993. Ông Kh đã xem 04 phiếu thu do ông Nguyễn Mạnh H (Nguyễn Văn H) nguyên là cán bộ ruộng đất xã Đ Th xuất trình, 04 phiếu thu này đúng là phiếu thu do ông Dương Tiến T1 cán bộ địa chính xã Đ Th viết, ông Kh là người thu tiền và nhập vào ngân sách xã để làm đường và các công trình phúc lợi của xã. Ai là người trực tiếp nộp tiền tại 04 phiếu thu thì ông Kh không nhớ chính xác vì thời gian đã lâu. Năm 1997 gia đình ông H và gia đình ông T xảy ra tranh chấp vị trí đất, địa phương đã T hành hòa giải nhiều lần, nhiều năm, đề nghị Tòa án giải quyết dứt điểm vụ việc để ổn định tình hình tại địa phương.

- Ông Phạm Minh Tr cung cấp: Ông Tr tham gia công tác tại UBND xã Đ Th thời điểm năm 1993. Năm 1993, 1994, UBND xã Đ Th ra Nghị quyết cho nhân dân đấu thầu đất khu vực thôn Th Nh. Ông Nguyễn Mạnh H xã viên đội Th Nh (tức ông Nguyễn Văn H cán bộ ruộng đất xã Đ Th khi đó) có trúng đấu thầu diện tích đất là 77m<sup>2</sup> với giá 3.080.000 đồng. Ông Tr là người trực tiếp viết biên bản đo giao đất và hoa màu để sử dụng ngày 08/11/1993. Biên bản có chữ ký người nhận ký ông Nguyễn Văn H (tức Nguyễn Mạnh H), đại diện BR đất đi đo là ông Nguyễn Văn H, cán bộ ruộng đất. Trong Biên bản đo, giao đất trên tại dòng thứ 7 và dòng thứ 11 từ dưới lên trang thứ nhất bị xóa hai chữ bằng bút xóa, ông Tr không biết lý do vì sao. Trước đây trong Biên bản ông Tr đã viết đầy đủ tứ cận của diện tích đất

tuy nhiên nay đã bị xóa bằng bút xóa nên ông Tr không nhận biết được hai chữ bị xóa là chữ gì. Tại Biên bản đo, giao đất có chữ ký xác nhận của ông Hà Văn Th – Chủ tịch UBND xã Đ Th thời điểm năm 1993.

- Bản kết luận giám định số 43/KLGĐTL-KTHS ngày 26/8/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thái Bình kết luận:

1. Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Văn H trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 (dưới mục “Người nhận Ký”) so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Mạnh H (tên gọi khác Nguyễn Văn H) trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M9 do cùng một người ký, viết ra.

2. Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn V H trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 (dưới mục “Đại diện BRĐất Đì Đo”) so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Mạnh H (tên gọi khác Nguyễn Văn H) trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M9 do cũng một người ký, viết ra.

3. Chữ ký trên các mẫu cần giám định ký hiệu A2, A3 (dưới mục “Người giao”) so với chữ ký (chữ viết) của Nguyễn Mạnh H (tên gọi khác Nguyễn Văn H) trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M9 do cùng một người ký (viết ra).

4. Chữ ký trên các mẫu cần giám định ký hiệu A4, A5 (dưới mục “Người giao”) so với chữ ký của Nguyễn Mạnh H (tên gọi khác Nguyễn Văn H) trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M9 do cùng một người ký ra.

5. Nội dung bị che phủ tại cuối dòng chữ viết thứ 7 và thứ 11 tính từ dưới lên trên ở trang 1 trên mẫu cần giám định ký hiệu A 1 là chữ “T” và “Đ”.

Bản án số 10/2021/DS-ST ngày 21/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Th B, tỉnh Thái Bình đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 155; Điều 164; Điều 166; Điều 197 Bộ luật Dân sự; khoản 5 Điều 166 Luật đất đai; Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Mạnh H (tức Nguyễn Văn H) và bà Phạm Thị M. Buộc ông Bùi Quyết Th phải trả lại ông Nguyễn Mạnh H (tức Nguyễn Văn H) và bà Phạm Thị M quyền sử dụng diện tích 76,2m<sup>2</sup> đất tại thửa số 470, tờ bản đồ số 7 thôn Th Nh, xã Đ Th, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình có tứ cận:

- Phía đông giáp đường trục xã dài 6,2m
- Phía tây giáp đất thủy lợi dài 06m
- Phía nam giáp đất ông Hà Trung K dài 12,5m

- Phía bắc giáp đất ông Bùi Quyết Th dài 12,5m

Ông Nguyễn Mạnh H (tức Nguyễn Văn H) và bà Phạm Thị M được hưởng các tài sản trên đất, gồm: 01 nhà cấp 4, 01 mái tôn vì kèo thép; khối lượng đất lấp trũng thành sân trên diện tích 76,2m<sup>2</sup> và thanh toán cho ông Bùi Quyết Th và bà Phạm Thị M1 số tiền 41.422.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/9/2021, ông Bùi Quyết Th kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, không đồng ý trả lại đất cho ông H.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Mạnh H, bà Phạm Thị M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Bà M1 khẳng định diện tích đất đang có tranh chấp do bố chồng bà là cụ T đầu thầu của UBND xã Đ Th và cho vợ chồng bà, bà M1 đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H. Ông Bùi Quốc D cũng khẳng định diện tích đất trên là do cụ T (bố ông D) đầu thầu, diện tích 156m<sup>2</sup>, sau đó cụ T đã cho vợ chồng ông Th, vợ chồng ông Th đã xây dựng nhà ở từ năm 1996, không liên quan đến quyền lợi của các anh em nhà ông, ông D đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Bản án sơ thẩm không khách quan, không căn cứ vào các quy định của pháp luật, với các lý do sau:

- UBND xã Đ Th khẳng định ông H không tham gia đấu giá, không nộp tiền, nhưng Thanh tra huyện Đ H và ông H lại khẳng định ông H có tham gia đấu giá.

- Biên bản giao đất ngày 08/11/1993 không có số lô, không có tứ cận, người giao đất và người nhận đất là một người, đều do ông H ký, đặc điểm nổi bật là chữ ký của người nhận đất là ông H đã ký khác đi so với chữ ký thật của ông H đối với người giao đất nên Biên bản giao đất do ông H tự ghi thêm “Sử lại cho phù hợp với vị trí lô số 4” là hoàn toàn không phù hợp, không phải của ông Nguyễn Mạnh H mà thực tế lô số 4 là của ông Hà Trung K.

- 4 phiếu thu tiền do ông H xuất trình mà UBND xã Đ Th khẳng định là khập khểnh, không có thật nên không có giá trị pháp lý. Mặt khác ông H là thành viên trong ban đầu thầu nên theo Luật đấu giá là không được tham gia đấu giá.

- Kết luận thanh tra của Thanh tra huyện Đ H không bị ai khiếu nại nên vẫn đang có hiệu lực pháp luật, việc Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết là



không đúng.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Mạnh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, những người T hành tố tụng và nguyên đơn, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm, tuy nhiên do bị đơn là ông Th đã chết nên cần sửa phần tuyên đối với người phải có nghĩa vụ thi hành.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Bùi Quyết Th làm trong thời hạn luật định là hợp lệ, được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm. Đại diện UBND xã Đ Th có đơn xin vắng mặt, anh Đ, chị D, anh C vắng mặt nhưng người đại diện theo ủy quyền có mặt, vì vậy HĐXX giải quyết vắng mặt đối với họ.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn cũng như lời trình bày của bà M1, ông D và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn:

[2.1] Về nguồn gốc đất đang tranh chấp các đương sự đều thừa nhận là đất do đấu thầu của UBND xã Đ Th từ năm 1993. Hiện nay theo bản đồ Vlap 2012 thuộc thửa số 470, tờ bản đồ số 7, thôn Th Nh, xã Đ Th.

[2.2] Ông H khởi kiện yêu cầu ông Th trả lại đất với lý do diện tích đất 77m<sup>2</sup> do ông nhờ cụ T, bố đẻ ông Th đứng tên và trông coi, ông H là người trực tiếp nộp tiền và ký tên vào các phiếu thu, ông Th không đồng ý trả lại đất với lý do diện tích đất này do bố ông là cụ T đấu thầu của UBND xã Đ Th 156m<sup>2</sup> nhưng mới được UBND xã Đ Th giao cho 79m<sup>2</sup> còn 77m<sup>2</sup> không biết lý do tại sao xã chưa đo giao.

Các tài liệu chứng cứ do ông H xuất trình gồm: 04 phiếu thu bản gốc; Biên bản đo giao đất ngày 08/11/1993 ghi rõ giao cho ông Nguyễn Mạnh H 77m<sup>2</sup> đất, có đầy đủ tứ cận.

[2.3] Quá trình giải quyết tranh chấp giữa 2 gia đình từ năm 1997 thể hiện:

- Năm 1997 khi gia đình cụ T san lấp đất, giữa gia đình ông H và gia đình cụ T xảy ra tranh chấp, UBND xã Đ Th đã T hành hòa giải. Ông D1 là Trưởng công an xã Đ Th thời điểm đó được giao giải quyết sự việc đã ghi vào góc bên trái Biên bản đo giao đất ngày 08/11/1993 “*sử lại cho phù hợp vị trí lô số 4*”. Các cán bộ chủ chốt thời kỳ đó đều khẳng định việc tranh chấp đất giữa hai gia đình thời điểm đó là tranh chấp vị trí đất, chứ không phải tranh chấp đất đai.

- Năm 2003, hai gia đình lại tiếp tục xảy ra tranh chấp, UBND xã Đ Th đã ra Thông báo số 33/TB-UB ngày 29/7/2003 để giải quyết, trong thông báo đó thể hiện rõ việc cụ T có đơn trình bày ngày 12/02/1997 thể hiện: “... *tôi có mua và đấu thầu được miếng đất lô số 3 khu nhà trẻ cũ với giá 40.050đ/m<sup>2</sup>. Tổng diện tích là 79m<sup>2</sup>, thành tiền là 3.180.000đ...*” và Thông báo khẳng định diện tích đang tranh chấp không phải là đất của cụ Bùi Văn T, nhưng chưa đủ căn cứ để khẳng định là đất của ông Nguyễn Mạnh H.

Các tài liệu liên quan đến việc giải quyết tranh chấp giữa hai gia đình hiện UBND xã Đ Th không còn lưu giữ nên không cung cấp được cho Tòa án.

- Tại Quyết định số 05/QĐ-TTr ngày 19/9/2004 của Thanh tra huyện Đ H, tỉnh Thái Bình về việc khiếu nại tranh chấp đất đai có nội dung khẳng định: diện tích đất đang tranh chấp không phải của cụ Bùi Văn T mà thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Mạnh H.

- Lời khai của ông Dương Tiến T1 khẳng định ông Nguyễn Mạnh H là người trúng thầu lô đất diện tích 77m<sup>2</sup> và trực tiếp là người nộp tiền vào ngân sách xã, ông T1 là người thu tiền, chữ ký trong 04 phiếu thu gốc do ông H xuất trình đều là chữ ký của ông H. Ông Phạm Minh Tr cán bộ UBND xã thời điểm đó cũng khẳng định ông H là người trúng thầu lô đất, ông Tr là người trực tiếp viết biên bản đo giao đất và hoa màu để sử dụng ngày 08/11/1993. Biên bản có chữ ký người nhận ký ông Nguyễn Văn H (tức Nguyễn Mạnh H), đại diện BR đất đi đo là ông Nguyễn Văn H, cán bộ ruộng đất. Những lời khai này phù hợp với Kết luận giám định số 43/KLGĐTL-KTHS ngày 26/8/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thái Bình về chữ ký, chữ viết trong 04 phiếu thu và trong Biên bản đo giao đất ngày 08/11/1993 đều là chữ ký, chữ viết của ông H.

[2.4] Tại Biên bản giao đất ngày 08/11/1993 cho ông H thể hiện tứ cận cụ thể: phía nam giáp đất của ông T, phía bắc giáp đất của ông Đ, ông H ký nhận 77m<sup>2</sup>; Biên giao đất của cụ Bùi Văn T ngày 01/12/1993 cụ T ký nhận 79m<sup>2</sup> đất, thể hiện phía Nam giáp đất ông H, phía bắc giáp đất ông Đ; Tại biên bản giao đất cho ông Đ ngày 04/01/1994 nhận 90m<sup>2</sup> có nêu giáp ranh phía nam của ông Đ là giáp cụ T; Biên bản giao đất cho ông K ngày 25/12/1993 nhận 156m<sup>2</sup> thể hiện giáp ranh phía

Bắc giáp đất cụ T. Với nội D của các biên bản giao đất như vậy đủ cơ sở để khẳng định lô đất của cụ T và ông H nằm giữa 2 lô đất của ông Đ ở phía bắc và ông Kỳ ở phía nam và giữa cụ T, ông H đã có thỏa thuận thống nhất mua chung lô đất số 3 đó và đã được Ban ruộng đất xã giao đất bằng hai biên bản giao đất riêng cho từng ông đã ký nhận riêng. Như vậy có thể khẳng định khi nhận đất thì lô đất của cụ T ở phía nam diện tích  $79m^2$ , lô đất của ông H ở phía bắc diện tích là  $77m^2$ . Do đó lời khai của ông H về việc hai người có mua chung lô đất là có căn cứ. Năm 1997, khi xảy ra tranh chấp là tranh chấp vị trí đất là phù hợp với lời khai của các cán bộ chủ chốt thời kỳ đó, cũng như lời khai của ông Nguyễn Quốc D1, trưởng công an xã là người được giao trực tiếp giải quyết và ông D1 đã xác nhận vào góc trái phía trên Biên bản giao đất cho ông H này với nội dung “Sử lại cho phù hợp vị trí lô số 4”.

[2.4] Xét các lời khai của ông Th có mâu thuẫn nhau: tại lời khai ngày 10/5/2021, ông Th khai năm 1993 bố ông Th (cụ T) nộp tiền tại 06 phiếu thu, nay ông chỉ còn giữ được 02 phiếu thu bản gốc, 04 phiếu thu bản phô tô. Tại lời khai ngày 02/7/2021 ông Th lại khai cụ T nộp tiền tại 05 phiếu thu, nay ông Th chỉ còn 02 phiếu thu bản gốc, 03 phiếu thu bản phô tô, cụ T đã trúng thầu lô đất có diện tích  $156m^2$  với giá  $40.000đ/m^2$ , đã nộp đủ số tiền  $6.080.000đ$ . Nếu cụ T nộp số tiền  $6.080.000đ$  thì chỉ đủ đấu  $152m^2$  đất, không phải  $156m^2$  như ông Th khai. Ông Th chỉ xuất trình được 02 phiếu thu bản gốc với tổng số tiền nộp là  $3.180.000đ$ , cụ T cũng chỉ được giao  $79m^2$  đất theo Biên bản giao đất ngày 01/12/1993 tương ứng với số tiền  $3.180.000đ$  theo hai phiếu thu bản gốc ông Th xuất trình và cũng phù hợp với đơn trình bày của cụ T được thể hiện trong Thông báo số 33/TB-UB ngày 29/7/2003 của UBND xã Đ Th là cụ T đấu  $79m^2$  đất. Đối với 03 phiếu thu phô tô, ông H lại xuất trình được bản gốc và theo kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình thì chữ ký người giao tiền trong các phiếu thu do ông H xuất trình đều là chữ ký của ông H; ông Th không cung cấp được chứng cứ cụ T nhờ ông H nộp tiền thay.

[2.5] Ông Th không thừa nhận Biên bản đo giao đất UBND xã Đ Th giao cho ông H với lý do Biên bản giao đất có trước, các phiếu thu tiền có sau, tuy nhiên Biên bản đo giao đất cho cụ T cũng trong tình trạng tương tự, khi cụ T chưa nộp đủ tiền UBND xã Đ Th đo giao đất, các biên bản đo giao đất cho các hộ xung quanh về tứ cận cũng viết nhầm, đây là những hạn chế về quản lý đất đai thời kỳ đó. Lý do Biên bản đo giao đất của UBND xã Đ Th cho ông Nguyễn Mạnh H bị sửa chữa là do ông Nguyễn Quốc D1 đã xác nhận vào góc trái phía trên của biên bản nội D:

“Sử lại cho phù hợp vị trí lô số 4” khi giải quyết tranh chấp đất năm 1997 các bên đã thống nhất đổi vị trí thửa đất cho nhau.

[2.6] Từ những tài liệu, chứng cứ trên có đủ cơ sở xác nhận năm 1993, cụ Bùi Văn T chỉ đấu thầu 01 lô đất có diện tích 79m<sup>2</sup>, không phải đấu thầu 156m<sup>2</sup> đất như ông Th trình bày, còn diện tích lô đất liền kề 77m<sup>2</sup> là do ông H nhờ cụ T đứng tên, ông H là người trực tiếp nộp tiền đấu đất vào ngân sách xã. Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[2.7] Quá trình sử dụng đất, ông Th đôn lấp, xây dựng một số công trình trên đất như 01 nhà cấp 4, 01 mái tôn vì kèo, tại giai đoạn sơ thẩm ông H đồng ý thanh toán giá trị công đôn lấp, giá trị các tài sản trên đất cho ông Th. Ngoài ra, theo kết quả đo đạc thì phần tường bếp nhà ông Th đang sử dụng có chéo sang thửa đất đang tranh chấp, tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn xác định phần tường bếp này đã xây kiên cố nên sẽ để nguyên trạng, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm chỉ buộc ông Th trả lại ông H, bà M diện tích 76,2m<sup>2</sup> là phù hợp.

[2.8] Đối với ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn cho rằng Quyết định số 05/QĐ-TTr ngày 29/9/2004 của Thanh tra huyện Đ H, tỉnh Thái Bình không bị khiếu nại nên có hiệu lực pháp luật, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết là không đúng, thấy: theo các lời khai của ông Th trong quá trình giải quyết vụ án đều thể hiện, sau khi nhận được Quyết định số 05/QĐ-TTr nêu trên, không đồng ý nên ông đã khiếu nại lên Thanh tra tỉnh Thái Bình, sau đó gia đình ông nhận được thông báo vụ việc đã được chuyển sang TAND huyện Đ H, từ đó đến nay không có cơ quan nào trả lời ông. Như vậy, quyết định số 05/QĐ-TTr đã bị khiếu nại, chưa được giải quyết nên việc Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết yêu cầu của ông H là có căn cứ.

[3] Từ những phân tích trên, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Th, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là phù hợp pháp luật. Do trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ngày 20/3/2022 ông Th chết, vì vậy cần sửa bản án sơ thẩm, buộc những người thừa kế của ông Th phải có trách nhiệm trả lại diện tích đất cho ông H, bà M.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Th là người cao tuổi, khi làm thủ tục kháng cáo đã có đơn xin miễn án phí, do đó miễn án phí dân sự phúc thẩm cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Th.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Áp dụng khoản 1, 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự: Không chấp nhận

yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Quyết Th, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 10/2021/DSST ngày 21/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Sửa phần người có trách nhiệm trả tài sản do bị đơn đã chết.

Áp dụng khoản 3 Điều 155; Điều 164; Điều 166; Điều 197 Bộ luật Dân sự; khoản 5 Điều 166 Luật đất đai

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Mạnh H (tức Nguyễn Văn H) và bà Phạm Thị M. Buộc những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Bùi Quyết Th gồm bà Phạm Thị M1, anh Bùi Minh Đ, chị Bùi Thị Thùy D, anh Bùi Mạnh C phải trả lại ông Nguyễn Mạnh H (tức Nguyễn Văn H) và bà Phạm Thị M quyền sử dụng diện tích 76,2m<sup>2</sup> đất tại thửa số 470, tờ bản đồ số 7 thôn Th Nh, xã Đ Th, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình có tứ cận:

- Phía đông giáp đường trục xã dài 6,2m
- Phía tây giáp đất thủy lợi dài 06m
- Phía nam giáp đất ông Hà Trung K dài 12,5m
- Phía bắc giáp đất ông Bùi Quyết Th dài 12,5m

Ông Nguyễn Mạnh H (tức Nguyễn Văn H) và bà Phạm Thị M được sở hữu các tài sản trên đất, gồm: 01 nhà cấp 4; 01 mái tôn vì kèo thép; khối lượng đất lấp trũng thành sân trên diện tích 76,2m<sup>2</sup> và thanh toán cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Th và bà Phạm Thị M1 số tiền 41.422.000 đồng.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà M1, anh Đ, chị D, anh C.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Tòa án, Chi cục Thi hành án nhân dân thành phố Thái Bình;
- Các đương sự; NBVQL
- Lưu hồ sơ vụ án

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

*(đã ký)*

**Lương Hải Yến**